

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ mầm non học tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập; học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là người học).

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập do thành phố quản lý (sau đây gọi là cơ sở giáo dục).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

Danh mục các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo (theo Phụ lục đính kèm)

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại Điều 2 Quyết định này được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, có sự đồng thuận giữa cơ sở giáo dục và cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh hoặc người học, bảo đảm không ngoài danh mục các khoản thu và không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Quyết định này.

2. Mức thu quy định tại Phụ lục là mức thu tối đa. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ sở giáo dục xác định mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu tối đa quy định. Mức thu tối đa được áp dụng ổn định; trường hợp cần thiết, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND các xã, phường rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh theo quy định.

3. Kinh phí thu từng dịch vụ được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hạch toán, quyết toán và công khai theo quy định; không sử dụng số thu của dịch vụ này để bù đắp không đúng quy định cho dịch vụ khác.

4. Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

5. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết cho từng nội dung thu, bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, nhu cầu của người học; công khai đầy đủ, kịp thời, rõ ràng các thông tin về danh mục dịch vụ, mức thu, cơ sở tính toán mức thu, dự toán thu - chi theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Được thực hiện từ năm học 2026-2027.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu, chi, công khai theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan theo phân cấp quản lý.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**